

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2024/DS-ST
Ngày: 20-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Mạnh Quyết.

2. Ông Võ Đức Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

Trong các ngày 19 và 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2024/TLST-DS, ngày 02/02/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2024/QĐXXST-DS ngày 29/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2024/QĐST-DS ngày 11/9/2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé N, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp 1, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Bé N là bà Trần Thị Hồng X, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số 102 Khu A ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. Văn bản ủy quyền ngày 08/01/2024.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960 và ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1962; Cùng địa chỉ: ấp 3, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

(Bà Xuyến, bà T có mặt, ông D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé N cùng lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Bà Nguyễn Thị T có vay tiền của bà Nguyễn Thị Bé N như sau:

- Tháng 5/2022, bà T vay 100.000.000 đồng.

- Tháng 6/2022, bà T vay số tiền 256.500.000 đồng.

Tổng cộng 02 khoản vay 356.500.000 đồng, hàng tháng bà T có hoàn trả lãi cho bà Bé N theo thỏa thuận. Trong thời gian này bà T có hoàn trả tiền gốc vay 100.000.000 đồng (bà Bé N có hoàn trả lại giấy mượn tiền 100.000.000 đồng cho bà T), bà còn nợ lại tiền gốc vay 256.500.000đ.

Tháng 10/2023, bà T vay tiếp số tiền 280.000.000 đồng. Đến tháng 11 bà T trả lãi còn nợ lại tiền lãi 3.175.000 đồng nên hai bên thống nhất làm lại giấy mượn tiền mới với số tiền 539.675.000 đồng (gồm tiền gốc vay ngày 13/6/2022 là 265.500.000đ + tiền gốc vay ngày 09/10/2023 là 280.000.000đ + tiền lãi còn thiếu lại 3.175.000đ) và bà T hẹn đến ngày 17/12/2023 sẽ hoàn trả tiền cho bà Bé N, hai bên đồng ý ký tên. Nhưng đến ngày 17/12/2023, bà T không hoàn trả nợ cho bà Bé N, nên ngày 08/01/2024, bà Bé N làm đơn khởi kiện bà T.

Bà T cho rằng vào ngày 28/5/2022 (âm lịch) bà T có vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất vay là 06%/tháng và giữa tháng 6/2022 (âm lịch) bà T vay thêm số tiền 256.500.000 đồng, lãi suất 06%/tháng. Tổng số nợ gốc bà T, ông D còn nợ bà Bé N là 356.500.000 đồng. Bà T đóng tiền lãi đến khoảng tháng 6/2023 (âm lịch) thì ngưng không còn khả năng đóng lãi cho bà Bé N, sau đó thì cứ 03 tháng thì bà T đến tại nhà bà Bé N để ký lại giấy nợ, trong đó có tiền gốc và tiền lãi. Bà T ký lại giấy nợ khoảng 03 - 04 lần cho bà Bé N. Nay bà T thừa nhận chỉ nợ tiền gốc bà Bé N số tiền 356.500.000 đồng chưa trả bà không có nợ tiền gốc 539.675.000 đồng theo như đơn khởi kiện của bà Bé N. Về số tiền nợ gốc 356.500.000 đồng bà T xin bà Bé N trong vòng 05 tháng và tiền lãi chậm trả khoảng 09 tháng nay, với lãi suất 1.66% sẽ hoàn trả cho bà Bé N, trường hợp bà T, ông D bán được đất sớm thì trả sớm cho bà Bé N. Theo như lời trình bày của bà T là hoàn toàn không đúng với sự thật. Bà T cũng không cung cấp được chứng cứ nào thể hiện bà Bé N tính lãi nhập gốc. Còn tờ giấy do bà T cung cấp có ghi nội dung: “gốc 356.500.000đ, tiền lãi 121.475.000đ (23/8/23)” tờ giấy này do bà T kêu bà Bé N ghi dùm cho bà để bà biết số tiền gốc và tiền lãi để bà đi đòi nợ người khác vì số tiền này bà mượn dùm người khác, bà Bé N ghi theo yêu cầu của bà T chứ không phải bà Bé N tính tiền lãi lên đến con số như đã ghi trong tờ giấy do bà T cung cấp.

Đến hạn ngày trả nợ, bà Nguyễn Thị Bé N thấy bà T, ông D không hoàn trả nợ cho bà Nguyễn Thị Bé N theo như đã thỏa thuận, bà Nguyễn Thị Bé N có điện thoại nhắc nhở bà rất nhiều lần, bà hứa hết ngày này đến ngày khác, đến nay không hoàn trả nợ cho bà Nguyễn Thị Bé N.

Tại phiên tòa, người đại diện cho bà Bé N thay đổi yêu cầu khởi kiện so với ban đầu, nay nguyên đơn xác định bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D chỉ nợ nguyên đơn số tiền 400.000.000 đồng. Do đó yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn D liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bé N số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi, thời gian trả trong vòng 03 tháng (chậm nhất là ngày 19/12/2024) là hết các khoản nợ của bà T, ông D đối với bà Bé N. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa có nội dung như sau:

Bà T với ông Nguyễn Văn D là vợ chồng hiện quan hệ hôn nhân vẫn còn tồn tại.

Giữa bà T với bà Bé N là hàng xóm và có bà con với nhau nên có quan hệ vay mượn tiền. Theo đó bà T có vay tiền của bà Bé N, cụ thể vào ngày 28/5/2022 (âm lịch) bà T có vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích để chồng tiền cọc mua đất, hai bên có làm giấy vay tiền nhưng do bà Bé N giữ, khi vay thỏa thuận lãi suất vay là 06%/tháng và bà T có hẹn vay 01 tháng sẽ hoàn trả cả gốc và lãi tuy nhiên sau khi mua đất xong thì bà T bán ra không được nên có thỏa thuận với bà Bé N là bà T trả lãi hàng tháng (mỗi tháng 6.000.000 đồng tiền lãi) cho đến khi bà T bán được đất thì sẽ hoàn trả tiền gốc 100.000.000 đồng. Tiếp đến khoảng giữa tháng 6/2022 (âm lịch) bà T vay thêm số tiền 256.500.000 đồng, có làm giấy vay tiền nhưng bà Bé N giữ giấy vay này, khi vay số tiền nay thỏa thuận tiền lãi 06%/tháng mỗi tháng là 15.390.000 đồng, bà T vay trong vòng 01 tháng sẽ trả lại cho bà Bé N. Tổng số nợ gốc bà T, ông D còn nợ bà Bé N là 356.500.000 đồng. Sau khi vay hai khoản này do không bán được đất nên có thỏa thuận với bà Bé N xin trả lãi hàng tháng cho đến khi bán được đất thì trả tiền gốc cho bà Bé N. Bà T đóng tiền lãi đến khoảng tháng 6/2023 (âm lịch) thì ngưng không còn khả năng đóng lãi cho bà Bé N, sau đó thì cứ 03 tháng thì bà T đến tại nhà bà Bé N để ký lại giấy nợ, trong đó có gốc và tiền lãi. Bà T ký lại giấy nợ khoảng 03 - 04 lần cho bà Bé N. Bà Bé N có liên hệ yêu cầu bà T và chồng là ông D trả nợ nhưng hiện nay bà T, ông D chưa bán được đất nên chưa có tiền trả cho bà Bé N.

Bà T thừa nhận chữ ký và ghi họ tên trong giấy biên nhận vay tiền ngày 13/6/2022 là của bà T, còn lại chữ ký và ghi họ tên trong giấy mượn tiền ngày 17/12/2023, giấy biên nhận vay tiền ngày 09/10/2023 không phải của bà T tuy nhiên bà không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết trong hai giấy này. Ngày 26/5/2023 thì giữa bà T và bà Bé N có tính toán số nợ gốc và lãi bà T còn nợ bà Bé N là 424.200.000 đồng có ghi giấy đưa cho bà T giữ và bà T đã nộp cho Tòa án. Bà T không nợ khoản tiền lãi 3.175.000 đồng như bà Bé N trình bày.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T đồng ý hoàn trả cho bà Bé N số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng, thời gian trả trong vòng 03 tháng (chậm nhất là ngày 19/12/2024) là hết các khoản nợ của bà T, ông D đối với bà Bé N. Ngoài ra không ý kiến gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có lời trình bày.

Vụ án được hòa giải theo quy định nhưng không thành nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Bé N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D liên đới có trách nhiệm hoàn trả số tiền còn nợ là 400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại xã A, huyện B, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân

sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa giải quyết theo thủ tục sơ thẩm. Căn cứ theo yêu cầu của đương sự xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Tại phiên tòa vắng mặt ông Nguyễn Văn D, tuy nhiên Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, về thời gian xét xử sơ thẩm cho ông D nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với ông D là phù hợp với Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé N căn cứ vào giấy mượn tiền đề ngày 17/12/2023 yêu cầu bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D phải liên đới hoàn trả số tiền gốc vay là 539.675.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày vay đến khi xét xử sơ thẩm, tuy nhiên tại phiên tòa người đại diện cho nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ xác định bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D còn nợ nguyên đơn số tiền là 400.000.000 đồng, do đó yêu cầu bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D phải liên đới hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và yêu cầu trong vòng 03 tháng (chậm nhất là ngày 19/12/2024) phải hoàn trả số tiền này cho nguyên đơn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn, bà T đồng ý hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn trả trong vòng 03 tháng (chậm nhất là ngày 19/12/2024) là hết các khoản nợ đối với nguyên đơn. Riêng ông Nguyễn Văn D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có lời trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không chấp hành thông báo của Tòa án, đồng thời mặc nhiên thừa nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ bên nguyên đơn cung cấp. Đồng thời xét thấy khoản vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà T, ông D. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của bà Bé N, bà Xuyến và bà T chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D phải liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bé N số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn trả chậm nhất là ngày 19/12/2024 theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D do bà T, ông D thuộc trường hợp được miễn tiền án phí và có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Bé N không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Bé N tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé N đối với bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D liên đới về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D phải liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bé N số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng. Thời hạn trả chậm nhất là ngày 19/12/2024.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bé N 12.948.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008160, ngày 01/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

3. Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/9/2024). Ông Nguyễn Văn D vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành dân sự án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Quân

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Đức Huy – Lê Thị Hằng

Lê Thị Mỹ Phượng

